TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/HNGĐ-ST
Ngày 26 - 01 - 2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Dịu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đình Ngát

Bà Khúc Thị Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hương - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa*:** Ông Đào Quang Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 261/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2017 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXX-ST ngày 10 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1988; hộ khẩu thường trú: Thôn K1, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Thôn N, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Anh Đặng Quang T, sinh năm 1984; địa chỉ cư trú: Thôn K1, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 30 tháng 11 năm 2017 và bản tự khai ngày 15 tháng 12 năm 2017 nguyên đơn là chị Nguyễn Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị đăng ký kết hôn với anh Đặng Quang T tại Ủy ban nhân dân xã T ngày 21 tháng 3 năm 2007 (Giấy chứng nhận kết hôn số 17). Giữa năm 2016 anh chị phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, anh

T quan hệ ngoại tình, không quan tâm đến chị, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Tháng 02 năm 2017 chị bỏ về nhà mẹ đẻ ở, tháng 4 năm 2017 chị làm đơn xin ly hôn anh T, quá trình giải quyết vụ án chị tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện để vợ chồng đoàn tụ, thời gian trở lại chung sống, anh Tuấn không thay đổi tính cách mà ngày càng trầm trọng hơn, chị lại phải bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 7 năm 2017 đến nay không quan tâm đến nhau. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin ly hôn anh T.

Về con chung: Anh chị có 02 con là Đặng Quỳnh C, sinh ngày 18 tháng 12 năm 2007; Đặng Quang V, sinh ngày 21 tháng 7 năm 2010 đang do anh T nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, chị đồng ý để anh T tiếp tục nuôi dưỡng hai con đến khi đủ 18 tuổi; nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con giữa chị và anh T đã thỏa thuận tự giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có bản tự khai ngày 25 tháng 12 năm 2017, anh T trình bày thống nhất với chị M về thời gian, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2016 do quan điểm sống không phù hợp, chị M luôn nghi ngờ anh không chung thủy, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Chị M đã về nhà mẹ đẻ ở nhiều lần, lần sau cùng từ tháng 7 năm 2017 đến nay không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay chị M xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Anh chị có 02 con là Đặng Quỳnh C, sinh ngày 18 tháng 12 năm 2007; Đặng Quang V, sinh ngày 21 tháng 7 năm 2010 đang do anh nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng nuôi dưỡng cả hai con đến khi đủ 18 tuổi. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con giữa anh và chị M đã thỏa thuận tự giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Khi Tòa án mở phiên họp kiểm tra tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, anh T vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Vì vậy Tòa án Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật, anh T đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, chị M giữ nguyên toàn bộ nội dung, yêu cầu nêu trên.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật tại các Điều 70, 71, 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn không chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Anh T là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng anh đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử vắng mặt anh T là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Đặng Quang T.

Về con chung: Giao cháu Đặng Quỳnh C, sinh ngày 18 tháng 12 năm 2007 và cháu Đặng Quang V, sinh ngày 21 tháng 7 năm 2010 cho anh T nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hai bên đương sự đã thỏa thuận tự giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra.

Về án phí: Chị Mơ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh T là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng anh đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Qua lời khai của đương sự và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án cũng như chính quyền xã Tân Trào cung cấp thì hôn nhân của chị Nguyễn Thị M và anh Đặng Quang T là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2016 do bất đồng quan điểm sống, anh T không chung thủy, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau và

sống ly thân, chị M đã làm đơn xin ly hôn anh T, quá trình giải quyết, chị rút yêu cầu để vợ chồng đoàn tụ, thời gian chung sống trở lại, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, chị M đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 7 năm 2017 đến nay không quan tâm đến nhau. Do đó yêu cầu xin ly hôn của chị M có cơ sở chấp nhận, nên xử cho chị M được ly hôn anh T là phù hợp với các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cũng như nguyện vọng của anh T và ý kiến của Kiểm sát viên.

[4] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Đặng Quỳnh C, sinh ngày 18 tháng 12 năm 2007; Đặng Quang V, sinh ngày 21 tháng 7 năm 2010 đang do anh T nuôi dưỡng, các cháu khỏe mạnh bình thường. Anh chị đều thống nhất để anh T tiếp tục nuôi dưỡng hai con đến khi đủ 18 tuổi, phù hợp với nguyện vọng của các cháu. Mặt khác chị M làm công nhân không có thời gian chăm sóc các cháu; anh T làm nghề kinh doanh, có điều kiện, thời gian, chỗ ăn ở ổn định, để chăm sóc các cháu. Do đó cần giao hai cháu cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; chị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, hai bên đương sự đã thỏa thuận tự giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về tài sản, công nợ: Các bên đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Đặng Quang T.

2. Về con chung: Giao cháu Đặng Quỳnh C, sinh ngày 18 tháng 12 năm 2007 và cháu Đặng Quang V, sinh ngày 21 tháng 7 năm 2010 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hai bên đương sự đã thỏa thuận tự giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, chị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị M phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0006021 ngày 11 tháng 12 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị M đã chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Chị M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Dịu